

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 08 TC/TCĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 1989

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc thanh toán và thu nộp ngân sách nhà nước hàng nhập khẩu theo QĐ số 43/CT ngày 3/3/1989 của Chủ tịch HĐBT

Chủ tịch HĐBT đã có quyết định số 43/CT ngày 3/3/1989 về xoá bỏ tỷ giá kết toán nội bộ và quy định việc hạch toán, thanh toán, quyết toán vật tư nhập khẩu theo cơ chế giá trong nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán và thu nộp ngân sách tiền thiết bị vật tư hàng hóa nhập khẩu (dưới đây gọi tắt là vật tư nhập khẩu) theo tinh thần quyết định của HĐBT nói trên như sau:

I. THANH TOÁN VÀ THU NỘP NGÂN SÁCH TIỀN VẬT TƯ NHẬP KHẨU TỪ KHU VỰC I BẰNG NGUỒN VỐN NGOẠI TỆ TẬP TRUNG CỦA NHÀ NƯỚC

1/ Tổng số hàng nhập khẩu từ các nước XHCN về trong năm 1989 được trừ các khoản vật tư nhập khẩu dưới đây khi xác định nguồn thu cho ngân sách Nhà nước:

- Số vật tư nhập khẩu Nhà nước dành cân đối cho các ngành hàng xuất khẩu để tự cân đối về tài chính.
- Số vật tư nhập khẩu của các ngành hàng thực hiện các hiệp định hợp tác kinh tế đối với các nước Bên như các hiệp định về hợp tác kinh doanh cao su, chè, cà phê v.v...
- Số vật tư nhập khẩu Nhà nước dành làm nguồn bán cho các ngành, các địa phương để thu ngoại tệ mạnh (bán thu Đô la).
- Số vật tư nhập khẩu Nhà nước dành để trả nợ quyền sử dụng ngoại tệ cho địa phương (nếu còn).

- Số vật tư nhập khẩu còn lại thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Khi nhập các loại vật tư bằng nguồn vốn ngoại tệ tập trung của Nhà nước, các tổ chức nhập khẩu (kể cả tổ chức vừa làm nhiệm vụ nhập khẩu trực tiếp, vừa làm nhiệm vụ cung ứng trong nước), không phải vay vốn bằng tiền Việt nam để thanh toán số ngoại tệ đó với Ngân hàng Ngoại thương Việt nam theo tỷ giá kết toán nội bộ nữa.

Bộ Tài chính và Bộ chủ quản căn cứ vào chỉ tiêu hàng về, chỉ tiêu thu mua xuất khẩu (kể cả hợp tác, gia công, vật tư bán thu đô la...) để xác định nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước của các Tổng công ty, Công ty nhập khẩu (dưới đây gọi tắt là tổ chức nhập khẩu) trong năm kế hoạch.

2- Giá cả để thanh toán vật tư nhập khẩu giữa tổ chức nhập khẩu với chủ hàng trong nước (kể cả tổ chức vừa làm nhiệm vụ nhập khẩu trực tiếp, vừa làm nhiệm vụ cung ứng trong nước) áp dụng theo cơ chế giá bán hàng nhập quy định tại các văn bản của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Riêng đối với một số vật tư nhập khẩu còn bán trong nước theo 2 giá "cứng" và "mềm" thì chủ hàng trong nước thanh toán tiền hàng cho tổ chức nhập khẩu căn cứ vào tỷ lệ vật tư bán giá "cứng" và giá "mềm" mà đơn vị đã được duyệt theo kế hoạch để xác định.

3- Để các đơn vị chủ hàng trong nước nhận hàng nhập khẩu có thể chủ động về vốn liếng trong quan hệ thanh toán với tổ chức nhập khẩu, tránh tình trạng bị ứ đọng vật tư, gây ách tắc vốn, các chủ hàng trong nước căn cứ vào chỉ tiêu thông báo nhận hàng nhập khẩu của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ký kết ngay hợp đồng với các tổ chức nhập khẩu. Nếu việc ký kết ngay hợp đồng với các tổ chức nhập khẩu. Nếu việc ký kết này không bảo đảm các yêu cầu về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian hàng về thì đơn vị đặt hàng có thể báo cáo lại với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ chủ quản xin điều chỉnh chỉ tiêu nhập khẩu hoặc đề nghị tổ chức nhập khẩu đàm phán lại với Bên trong việc ký hợp đồng nhằm đáp ứng thỏa đáng yêu cầu hợp lý của chủ hàng trong nước nhận hàng nhập khẩu phải có trách nhiệm chuẩn bị vốn trong nước để trả tiền hàng cho tổ chức nhập khẩu ngay sau khi đơn vị chủ hàng trong nước nhận được hàng tại cảng và đã ký vào lệnh giao hàng.

4- Để đảm bảo việc thu nộp cho Ngân sách Nhà nước được đầy đủ và kịp thời, trình tự và thru tục thanh toán quy định như sau:

a) Khi Ngân hàng Ngoại thương Việt nam nhận được bộ chứng từ đòi tiền của người bán hàng nước ngoài, sau khi kiểm tra đối chiếu nếu thấy hợp lệ thì Ngân hàng Ngoại thương ghi Nợ quý ngoại tệ tập trung của Nhà nước và thông báo cho Bộ Tài chính biết; đồng gửi giấy báo "Nợ" đó bằng ngoại tệ cho tổ chức nhập khẩu để đơn vị này làm tiếp các thru tục phục vụ cho việc thanh toán đối ngoại và đối nội.

Kèm theo bộ chứng từ đòi tiền bán hàng gửi cho chủ hàng trong nước nhận hàng nhập khẩu, tổ chức nhập khẩu phải lập bảng phân tích rõ tiền bán hàng, thặng số ngoại thương, số thuế nhập khẩu (nếu có) để Ngân hàng hạch toán cụ thể từng khoản thu bằng tiền Việt nam vào tài khoản của Bộ Tài chính (TK theo dõi số thu hàng nhập khẩu) và tài khoản của tổ chức nhập khẩu.

b) Chủ hàng trong nước (kể cả tổ chức vừa làm nhiệm vụ nhập khẩu trực tiếp, vừa làm nhiệm vụ cung ứng trong nước) khi nhận được bộ chứng từ đòi tiền bán hàng của tổ chức nhập khẩu do Ngân hàng phục vụ mình chuyển đến, nếu kiểm tra thấy hợp lệ thì dùng vốn tự có (nếu thiếu thì vay Ngân hàng) để chuyển Việt nam thanh toán cho tổ chức nhập khẩu.

Trường hợp đột xuất, chủ hàng trong nước phải nhận hàng nhập khẩu ngoài hợp đồng ký với tổ chức nhập khẩu thì chủ hàng trong nước phải báo cáo Bộ Tài chính để có biện pháp xử lý thích hợp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký vào lệnh giao hàng chủ hàng trong nước phải thanh toán xong toàn bộ tiền hàng cho tổ chức nhập khẩu. Nếu quá thời hạn nói trên mà chủ hàng trong nước không trả tiền mua hàng cho tổ chức nhập khẩu thì cứ mỗi ngày quá hạn đơn vị phải chịu phạt theo mức lãi suất tiền vay do Ngân hàng quy định tính trên giá trị của tiền hàng phải trả. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày chủ hàng trong nước ký vào lệnh giao hàng mà vẫn không trả tiền mua hàng thì tổ chức nhập khẩu phải báo cáo Bộ Tài chính để trong trường hợp cần thiết có thể ra lệnh thu bắt buộc (kể cả tiền phạt chậm nộp tính theo lãi suất tiền vay Ngân hàng) đối với chủ hàng trong nước; đồng thời tổ chức nhập khẩu có thể kiến nghị Nhà nước cho phép